TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **99**/2019/DS-ST
Ngày: 21/11/2019
V/v T/C đòi lại tài sản và
thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Khương

2. Bà Lưu Thị Tám

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 và 21/11/2019, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 210/2019/TLST-DS ngày 02/10/2019 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST- DS ngày 31/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2019/QĐST –DS, ngày 22/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2019/QĐST–DS, ngày 19/9/2019, Thông báo về việc dời ngày xét xử số 97/TB-TA ngày 07/10/2019, Thông báo về việc dời ngày xét xử số 129/TB-TA ngày 01/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc H: Ông Trần Tiến V, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X1, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Hoàng C: Ông Phạm Hoài T2, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khu vực X3, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2.2. Ông Lương Ngọc H1, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà X4, khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X5, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng T: Ông Phạm Hoài Thu, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khu vực X3, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3.3. Bà Lê Thị Kiều T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X6, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Văn X, sinh năm 1960 (có mặt).

4.2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X1, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2018, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 18/6/2018, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 26/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Vào khoảng tháng 7/2014, bà H có mua chiếc đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng với chiếc phà chở chiếc xe máy đào của ông Nguyễn Văn Còn. Bà H đưa về sử dụng và hoạt động trên địa bàn huyện T và huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xác nhận chủ sở hữu xe cơ giới và phà vận chuyển ngày 09/10/2016 được UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 12/10/2016). Ngày 25/4/2016, bà H cho ông Lê Hoàng K thuê thi công công trình, sau đó ông K tự ý giao chiếc xe và chiếc phà này cho ông Lương Ngọc H1 (Hận) không được sự đồng ý của bà. Bà H nhiều lần đến trình báo công an phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ yêu cầu giải quyết buộc ông H1 có trách nhiệm trả tài sản cho bà nhưng ông H1 cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ. Theo biên bản hòa giải ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, ông H1 trình bày: Ông H1 thừa nhận khoảng tháng 6/2016, ông có nhận sửa chữa chiếc xe máy đào do ông Lê Hoàng K mang đến cơ sở của ông để sửa chữa. Khoảng

tháng 11/2017 ông đã giao chiếc xe máy đào cho ông Lê Hoàng C (con ông K), việc chiếm giữ tài sản của bà đã được công an phường Trung Kiên giải quyết từ năm 2016 nhưng ông H1 tự ý giao tài sản của bà cho ông C là sai quy định của pháp luật. Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2018, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 18/6/2018, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Hoàng C và ông Lương Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả cho bà chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng và chiếc phà chở chiếc xe máy đào. Giá trị tài sản khoảng 350.000.000 đồng. Bà H không xác định được giá trị khấu hao.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/12/2018 của bà Nguyễn Ngọc H cho rằng ông K tự ý giao xe và phà cho ông Lương Ngọc H1 (Hận) mà không được sự đồng ý của bà và không trả tiền thuê cho bà theo thỏa thuận. Đồng thời, bà có yêu cầu Công an phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ giải quyết buộc ông H1 trả xe và phà cho bà nhưng ông H1 cố tình không thực hiện. Bà H yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng K là ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T1 và ông Lương Ngọc H1 trả cho bà chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW04240 đã qua sử dụng với chiếc phà chở máy đào, giá trị ước tính khoảng 350.000.000 đồng và buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K trả số tiền thuê xe và phà trong 02 tháng (từ tháng 4/2016 đến tháng 5/2016) là 69.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu những người thừa kế của ông Lê Hoàng K là Lê Hoàng C, bà Lê Thị Kiều T1 và Lê Thị Hồng T trả lại cho nguyên đơn số tiền tương đương giá trị chiếc xe và phà mà ông K và ông C đã bán là 180.000.000 đồng thay vì theo đơn khởi kiện là 350.000.000 đồng. Nguyên đơn cũng không yêu cầu ông Lương Ngọc H1 liên đới trả cho bà H số tiền tương đương giá trị chiếc xe và phà mà ông K và ông C đã bán; Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu ông C, bà T1, bà T trả tiền thuê xe và phà là 69.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Hoàng C trình bày: Lúc ông K còn sống thì vợ chồng ông Phạm Văn P và vợ là bà Nguyễn Ngọc H là người trực tiếp giao tài sản trên cho ông K, nhưng ông C là người trực tiếp đại diện cho ông K đi nhận tài sản, nhận tại nhà ông P và bà H. Hiện nay ông P và bà H ở chung với nhau và cùng địa chỉ. Lý do ông P và và H giao chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh mã số YW 04240 đã qua sử dụng với chiếc phà chở chiếc xe máy đào cho ông K vì ông P thiếu tiền công trình của ông K là 225.000.000 đồng, trong đó hợp đồng mới 115.000.000 đồng có làm biên nhận (bà H cũng biết số nợ này của ông P vì lúc làm biên nhận nợ có mặt bà H) và số tiền còn lại là 110.000.000 đồng theo hợp đồng thi công xây dựng số 07/2008/HD-XD ngày 25/4/2008 (phần tiền này ông P thừa nhận nhưng không có làm biên nhận). Ông P thỏa thuận bằng miệng với ông K là ông K sẽ quản lý và sử dụng chiếc xe máy đào và chiếc phà chở chiếc xe máy đào của ông P khi nào ông P có tiền trả cho ông K thì ông K sẽ trả lại tài sản trên cho ông P. Tuy nhiên do khoảng hơn 01 năm nhưng ông P không có trả tiền cho gia đình ông C, do thiếu nợ nên khoảng tháng 12/2017, ông C đã bán chiếc xe máy đào trên với giá 130.000.000 đồng, người mua là ông Danh, không biết họ và địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ biết ở bạc Liêu. Chiếc phà thì ông

K lúc còn sống đã bán với giá là 50.000.000 đồng, không biết người mua là ai và không biết địa chỉ ở đâu.

Ông K chết ngày 28/12/2016, có vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết chết ngày 29/11/2010. Ông K và bà Tuyết có 03 người con chung là ông – Lê Hoàng C, Lê Thị Hồng T và Lê Thị Kiều T1, không có con nuôi hay con riêng. Cha mẹ ông K hiện nay đã chết.

Tại phiên tòa, ông C thay đổi lời khai, cho rằng ông K chỉ bán chiếc phà với giá 20.000.000 đồng mà không phải là 50.00.000 đồng. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng chiếc xe máy đào và chiếc phà đã khấu trừ nợ số nợ của ông P là 225.000.000 đồng. Ông C chỉ đồng ý trả giá trị xe và phà cho bà H khi bà H khấu trừ số tiền sửa xe là 159.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lương Ngọc H1 trình bày: Vào tháng 06/2016, ông H1 có nhận sửa xe máy đào loại xe Cobelco SK04 sản xuất năm 1992 do ông Lê Hoàng K và ông Lê Hoàng C mang đến. Chiếc xe bị hư máy và hư xích. Lúc mang xe đến sửa thì xe được chở bằng phà (chẹt). Phà để ở chỗ ông H1 khoảng 01 tháng thì bị chìm. Sau đó ông K đem phà đi nơi khác bán phế liệu được khoảng hơn 20.000.000 đồng. Ông H1 đã sửa xe trong khoảng 03 – 04 tháng. Chi phí sửa xe là 98.000.000 đồng và thay 02 dây xích (do ông K tự mua đem đến). Chi phí tổng cộng (tính luôn giá trị dây xích) là 159.000.000 đồng. Ông K là người trực tiếp thanh toán tiền sửa xe cho ông H1 sau khi sửa xe xong nhưng đến tháng 11/2017 thì ông C mới mang xe về. Khi sửa chữa và giao nhận xe, giữa các bên không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng. Theo ông H1 thì sau khi sửa xong chiếc xe có giá trị khoảng 180.000.000 đồng. Ông K và ông C là người trực tiếp mang xe đến sửa chữa ở cơ sở của ông, bà H không có giấy tờ chứng minh là chủ xe nên ông không có cơ sở giao lại xe cho bà H. Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, không còn yêu cầu ông liên đới trả lại giá trị xe và phà cho bà H nữa thì ông không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng T là ông Phạm H1 Thu trình bày: Chiếc xe và phà mà phía nguyên đơn trình bày do ông K nhận từ ông P để trừ nợ, không phải thuê của bà H. Do đó, bà T không đồng ý theo tất cả yêu cầu của bà H. Cha mẹ bà có 03 người con chung như ông C trình bày. Khi cha mẹ bà chết có để lại 01 căn nhà trệt, vách tường trên diện tích đất vườn khoảng 02 công, tọa lạc ấp X1, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng do ông C đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kiều T1 trình bày: Bà T1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn P trình bày: Ban đầu người giúp việc cho ông K (gồm 04 người, ông không biết họ tên) đến nhận xe trực tiếp từ ông, ông chỉ theo lời bà H giao xe cho ông K thuê. Đến khi làm công trình tại huyện C, tỉnh An Giang thì ông C là người trực tiếp nhận xe.

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến: Nguyên đơn đã thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên, việc thay đổi và rút này là tự nguyện. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu những người thừa kế của ông K thực hiện nghĩa vụ mà ông K chết để lại là trả lại cho nguyên đơn H số tiền tương đương giá trị xe và phà mà ông K và ông C đã bán là 180.000.000 đồng. Yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc ông P và ông K có nợ với nhau thì sẽ phát sinh thành vụ kiện khác, không được giữ tài sản của bà H. Theo lời khai thì ông C đã thừa nhận có bán xe, ông K bán phà nhưng ngay từ đầu là bà H cho ông K thuê mà không phải là ông C. Lẽ ra ông K còn sống thì ông K có trách nhiệm trả lại tài sản cho bà H. Nay ông K chết thì người thừa kế có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ của ông K. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút về số tiền thuê xe và phà là 69.000.000 đồng và đối với yêu cầu bị đơn ông Lương Ngọc H1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn giá trị xe và phà mà ông C và ông K đã bán; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C, bà T, bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền tương đương giá trị xe và phà mà ông K và ông C đã bán là 180.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu ý kiến: Bà H và ông P là vợ chồng ai cũng biết. Chiếc xe và phà đã bán từ lâu nên nguyên đơn không có cơ sở định giá được giá trị là 180.000.000 đồng, cần thẩm định, định giá chiếc xe để trừ ra số tiền đã sửa chữa. Trong khi ông H1 là người sửa chữa xe hiểu rõ và xác định giá trị xe sau khi sửa xong chỉ khoảng 180.000.000 đồng. Do việc lấy xe và phà là để trừ nợ của ông P nên bị đơn C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, chỉ đồng ý khi nào khấu trừ tiền sửa chữa xe là 159.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, xét thấy: Đã xác định được xe máy đào (xe cuốc) hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng với chiếc phà chở chiếc xe máy đào là tài sản của nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền thuê xe và phà là 69.000.000đ và thay đổi một phần là không yêu cầu bị đơn H1 phải cùng có trách nhiệm trả tiền với số tiền đã thay đổi là 180.000.000 đồng là phù hợp đúng theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cho rằng tài sản trên là do khấu trừ nợ từ ông P. Theo lời khai của ông P thì ông không thừa nhận. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, bị đơn khai lại số tiền do ông K bán phà là 20.000.000 đồng, lời khai này mâu thuẫn các lời khai có trong hồ sơ vụ án nên không có cơ sở để làm căn cứ. Đề nghị

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, 164, 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P, bà Lê Thị Thùy T1 vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa hôm nay.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: nguyên đơn chỉ yêu cầu người thừa kế của ông Lê Hoàng K là ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Kiều T1 và Lê Thị Hồng T trả lại cho nguyên đơn số tiền tương đương giá trị chiếc xe và phà mà ông K và ông C đã bán là 180.000.000 đồng thay vì theo đơn khởi kiện là 350.000.000 đồng. Bà H cũng không yêu cầu ông Lương Ngọc H1 liên đới trả cho bà H số tiền tương đương giá trị chiếc xe và phà mà ông K và ông C đã bán; Nguyên đơn H còn rút yêu cầu đối với số tiền thuê xe và phà là 69.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là trong phạm vi khởi kiện ban đầu, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, từ đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp đòi lại tài sản", nay xét thấy nội dung này chưa bao quát những vấn đề có tranh chấp trong vụ án nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn đối với số tiền thuê xe và phà là 69.000.000 đồng nhưng chưa yêu cầu nguyên đơn đóng tạm ứng án phí. Ngày 19/11/2019, Tòa án đã ra thông báo nộp tạm ứng án phí bổ sung và nguyên đơn đã thực hiện đóng bổ sung nên không vi phạm điều kiện thụ lý theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bị đơn C thừa nhận là ông K (đã chết) có nhận tài sản từ ông P là 01 chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW04240 đã qua sử dụng với chiếc phà chở máy đào. Theo lời khai của nguyên đơn H và ông P thì bà H đưa tài sản cho ông P để cho ông K thuê nhưng không có làm hợp đồng thuê, còn ông C thì cho rằng ông P giao tài sản trên

cho ông K để trừ số nợ của ông P đã nợ ông K là 225.000.000 đồng. Như vậy, các đương sự đã thống nhất được người giao dịch nhận tài sản là ông K. Hiện nay tài sản trên đã không còn do ông C đã bán chiếc xe máy đào trên với giá 130.000.000 đồng, người mua là ông Danh, không biết họ và địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ biết ở bạc Liêu. Chiếc phà thì ông K lúc còn sống đã bán với giá là 50.000.000 đồng, không biết người mua là ai và không biết địa chỉ ở đâu. Do đó, hiện nay không có cơ sở định giá tài sản cũng như việc xác định số tiền sửa chữa xe chỗ ông H1. Lỗi này Hội đồng xét xử xác định là lỗi của ông K và ông C do việc bán tài sản và sửa chữa xe không thông báo với chủ sở hữu tài sản.

Tại phiên tòa, bị đơn C khai lại số tiền do ông K bán phà là 20.000.000 đồng, lời khai này mâu thuẫn với các lời khai có trong hồ sơ vụ án mà bị đơn đã khai trước đó nên không có cơ sở để làm căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu người thừa kế của ông Lê Hoàng K là ông C, bà T, bà T1 trả số tiền 180.000.000 đồng tương đương giá trị chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW04240 đã qua sử dụng với chiếc phà chở xe máy đào mà nguyên đơn đã giao cho ông K, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn đã chứng minh được vào khoảng tháng 7/2014, nguyên đơn H có mua chiếc xe đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng với chiếc phà chở chiếc xe máy đào của ông Nguyễn Văn Còn với giá 360.000.000 đồng (trong đó, xe 260.000.000 đồng, phà 100.000.000 đồng). Tài sản trên thuộc loại phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật nhưng khi bán tài sản cho bà, ông Còn không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nên đến nay bà H vẫn không có giấy tờ hợp pháp đối với các tài sản đã mua của ông Còn nêu trên. Mặc dù tài sản không được đăng ký theo quy định nhưng nguyên đơn đã chứng minh được tài sản này là có thật; nguyên đơn, bị đơn đã sử dụng công khai và cho đến nay không có ai tranh chấp. Quá trình giao các tài sản này cho ông K thì nguyên đơn không trực tiếp giao mà thông qua ông P, ông C là người đại diện ông K nhận tài sản. Các bên cũng không có giấy tờ gì chứng minh việc giao tài sản vì lý do gì. Qua xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P cho thấy bà H và ông P cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên theo quy định của pháp luật thì ông bà không phải là vợ chồng. Nay ông C đã thừa nhận ông đã bán chiếc xe máy đào của bà H trị giá 130.000.000 đồng, ông K đã bán chiếc phà trị giá 50.000.000 đồng nhưng chưa được sự đồng ý của bà H. Do đó, nguyên đơn H yêu cầu trả lại số tiền tương đương giá trị tài sản của bà mà ông C và ông K đã bán là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của bị đơn ông Lê Hoàng C về việc yêu cầu khấu trừ tiền sửa chữa xe là 159.000.000 đồng mà ông K đã bỏ ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nay xe đã không còn nên số tiền sửa chữa xe chỉ căn cứ vào lời khai của ông H1 là chưa khách quan. Hơn nữa, bị đơn C không yêu cầu phản tố trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ phát sinh thành vụ kiện khác.

[2.4] Bà H cho rằng bà giao xe và phà là giao cho ông K nên các con của ông K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền tương đương giá trị xe và phà đã bán mà không tách nghĩa vụ riêng cho từng người. Từ nhận định ở mục [2.2] cho thấy, ông K là người trực tiếp giao dịch về tài sản là xe và phà của bà H nên ông K là người có nghĩa vụ trả cho bà H

số tiền tương đương giá trị xe và phà của bà H (do nay tài sản này đã không còn). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ông C tự ý bán xe thì ông C có nghĩa vụ với những người thừa kế của ông K. Ông K, cha mẹ ông và vợ ông đều đã chết nhưng ông có 03 người con là Lê Hoàng C, Lê Thị Kiều T1 và Lê Thị Hồng T, không có con nuôi hay con riêng. Theo bà T1 và bà T thì ông K chết để lại 01 căn nhà trệt vách tường trên diện tích khoảng 02 công đất vườn, tọa lạc ở ấp X1, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Tại công văn số 83/CV-CN.VPĐKĐĐ ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K cho biết: Theo hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, ông Lê Văn K có đứng tên Giấy CNQSD đất đối với 02 thửa đất: Thửa đất số XY, tờ bản đồ số XY1, diện tích 2.250m^2 (loại đất ONT 300m^2, loại đất CLN 1.950m^2); Thửa đất số XY2, tờ bản đồ số XY2, diện tích 3.900m^2 (loại đất 2L), địa chỉ 02 thửa đất: Ấp X1, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Năm 2018, ông C đã lập hồ sơ nhận thừa kế thửa đất 683 nêu trên từ ông Lê Hoàng K (Lê Văn K), tách thành 03 thửa và đã đăng ký đo đạc chuyển nhượng cho ông Lê Văn Đặng diện tích 429,8m^2. Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thì giá đất tại địa bàn xã B có giá thấp nhất là 40.000 đồng/m^2. Với diện tích đất ông K để lại như trên thì có giá trị cao hơn nghĩa vụ mà ông K phải thực hiện. Tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại "Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại….". Cho đến thời điểm xét xử, những người thừa kế của ông K không có văn bản phân chia cũng như chứng cứ chứng minh đã phân chia di sản thừa kế do ông K để lại. Do đó, việc ông K chết đi thì các con của ông K những người hưởng thừa kế hàng thứ nhất của ông K phải có trách nhiệm thực hiện phần nghĩa vụ của ông K để lại đối với phần tài sản của ông K. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 615 Bộ luật dân sự 2015, cần buộc ông C, bà T, bà T1 có nghĩa vụ liên đới thực hiện việc trả lại cho bà H số tiền tương đương giá trị chiếc xe và phà mà ông K và ông C đã bán là 180.000.000 đồng.

[2.5] Nguyên đơn H đã rút yêu cầu buộc ông C, bà T, bà T1 trả số tiền thuê xe và phà 02 tháng (tháng 4/2016 và tháng 5/2016) với số tiền là 69.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 244, đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn như đã phân tích trên.

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn như đã phân tích trên.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông C, bà T, bà T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 180.000.000 đồng x 5% = 9.000.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H về việc buộc bị đơn ông Lê Hoàng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T1 trả số tiền thuê xe và phà trong 02 tháng (tháng 4/2016 và tháng 5/2016) với số tiền là 69.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả số tiền thuê xe và phà là 69.000.000 đồng nêu trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc những người thừa kế của ông Lê Hoàng K gồm ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T1 trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền tương đương giá trị chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh mã số YW 04240 đã qua sử dụng và chiếc phà chở chiếc xe máy đào mà ông K và ông C đã bán của bà H với số tiền 180.000.000 đồng.

Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T1 chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do ông Lê Hoàng K chết để lại.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T1 còn phải liên đới trả lãi cho bà Nguyễn Ngọc H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004010 ngày 15/5/2018 do Chi cục Thi

hành án dân sự quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ đã thu và số tiền 1.725.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000986 ngày 19/11/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS quận Thốt Nốt;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa